

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/01/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+TD1	7:25	18+0	0+0		19+2	0+0	
2		RC6+RC4+PPD	7:25	5+3+13	0+0+0		0+0+15	0+0+0	chuyen 2 rc6-rc4
3		TGTH1+AMD	7:35	7+12	0+0		6+13	0+0	
4		T.UNG	7:45	19	0		15	0	
5		HST+HSD+AMD	9:25	4+4+14	0+0+0		2+4+15	0+0+0	
6		BK6+PPD+SAVR	9:25	1+10+7	0+0+0		0+10+10	0+0+0	
7		TD3+BK3+AMD	12:00	6+5+10	0+0+0		2+4+13	0+0+0	
8		CTC1+RP2+P10	12:00	6+7+4	0+0+0		1+0+15	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO:SAVR- TD1	CREW: NAM - XHOÀN - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0232	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	58-99	2	16			67	PVD LOGGI	Vietnamese
2	DƯƠNG QUỐC PHONG	SAVR	55-56	2	14			82	PVD LOGGI	Vietnamese
3	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	SAVR	100	1	8			72	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN NHU Y	SAVR	54	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN RƠN	SAVR	50	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
6	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	48-49	2	20			75	AMHGP	Russian
7	SOROKACH VLADIMIR*	SAVR	41-42	2	19			84	AMHGP	Russian
8	ĐÀO DUY KHÁNH	SAVR	51	1	13	1	19	77	BAKER HUO	Vietnamese
9	AZLAN ANBARI BIN BAKRI	SAVR	52-53	2	19	1	13	96	BAKER HUO	Malaysian
10	VOZHENKO GEORGII	SAVR	36-37	2	14			89	AMHGP	Russian
11	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	44-45	2	19			90	AMHGP	Russian
12	KARIMOV ILNUR*	SAVR	38	1	14			76	AMHGP	Russian
13	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	39-40	2	11			102	AMHGP	Russian
14	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	46-47	2	12			104	AMHGP	Russian
15	KOSHELIUK IGOR*	SAVR	43	1	10			88	AMHGP	Russian
16	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	34	1	6			80	AMHGP	Russian
17	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	35	1	5			91	AMHGP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.423	26	218	2	32	19		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.423</b>	<b>26</b>	<b>218</b>	<b>2</b>	<b>32</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.423</b>		<b>218</b>		<b>32</b>			

GRAND TOTAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ XUÂN HOÀN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: TRANG-1	TO:RC6 - RC4 - PPD	CREW: DƯƠNG - SƠN - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0229	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ NGỌC BÈN	RC6	63	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÂM	RC6	64	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRUNG	RC6	75	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ HỒNG QUÂN	RC6	61-62	2	15			84	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HOÀI VŨ	RC4	16-17	2	17			60	BA SON	Vietnamese
6	ĐINH HOANG LONG	RC4	14	1	12			73	BA SON	Vietnamese
7	LÊ VĂN MINH	RC4	18-19	2	8			62	BA SON	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	16	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VĂN NHÀ	PPD	01-02	2	12	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH TRUNG	PPD						71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN HAI	PPD	05	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH TRI	PPD	03	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO XUÂN HÒA	PPD	600	1	7			57	T-TIN	Vietnamese
14	LUU VĂN CHIẾN	PPD	99	1	4			67	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD						68	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN ĐÀO	PPD	98	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BẠC	PPD	04	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
18	BIỆN MINH SƠN	PPD	06	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	07-08	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	11-12	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	09-10	2	19			86	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	4	299	5	54	3	45	0	2	CHUYEN 02 RC6-RC4
2	RC4	3	195	5	37	0	0	0		
3	PPD	14	970	16	104	3	60	15		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.464</b>	<b>26</b>	<b>195</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.464</b>		<b>195</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:45
B.CARD: CAM-1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: TRÌNH - CÔNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0220	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	08	1	8			72	HLJOC	Vietnamese
2	NGO SY DUC	TGTH1	02-03	2	13			103	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	06-07	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MANH HA	TGTH1	09	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TAI	TGTH1	10	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC CUONG	TGTH1	04-05	2	9			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TU	TGTH1	01	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VO BA LINH	AMD	09-10	2	14	1	14	77	HLJOC	Vietnamese
9	TRINH THUONG MAI	AMD	15-16	2	12			59	TLJOC	Vietnamese
10	NGO SY KHOI	AMD	08	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN LAM	AMD	06	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH KHOA*	AMD	12	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRUNG KIEN	AMD	07	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TRI TRUNG	AMD	11	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG THE KHAI	AMD	05	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUOC HUY	AMD	13-14	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG VAN DONG	AMD	17	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG THANH TUNG	AMD	01-02	2	14			61	ABS	Vietnamese
19	HA XUAN BACH*	AMD	03-04	2	8			66	VR	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	7	500	10	66	0	0	6		
2	AMD	12	837	17	108	1	14	13		
TOTAL		19	1.337	27	174	1	14	19		
WEIGHT KG			1.337		174		14			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DANG THUY ANH

CREW

TRAN KHANH TRINH

CAO VAN CONG



# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: T.UNG	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 10:25
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0222	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	85	1	4			75	YTE	Vietnamese
2	LƯU THẾ ANH	T.UNG	77	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THÀNH	T.UNG	87	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	75-76	2	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN LUƠNG	T.UNG	73	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	84	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	82-83	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	67	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
9	LẠI MINH HOÀNG	T.UNG	74	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	81	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	70	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÂM GIANG	T.UNG	78	1	18	1	8	78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TUNG	T.UNG	86	1	6			85	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CAO	T.UNG	71	1	10			64	CODIEN	Vietnamese
15	TRỊNH NGỌC TỬ	T.UNG	68	1	15	1	8	74	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM THẠCH	T.UNG	88-89	2	20			75	CODIEN	Vietnamese
17	HOÀNG GIANG LAM	T.UNG						80	PSV	Vietnamese
18	LÊ KHÁC BAO	T.UNG	72	1	6			63	PSV	Vietnamese
19	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	80	1	5			84	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.394	21	138	2	16	15		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.394</b>	<b>21</b>	<b>138</b>	<b>2</b>	<b>16</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.394</b>		<b>138</b>		<b>16</b>			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI

HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: TRẮNG-2	TO: HST - HSD - AMD	CREW: DƯƠNG - SON - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0230	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	THAN CANH THINH	HST	45-46	2	17	1	20	75	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN THE TRUYEN *	HST	41-42	2	13			75	TLJOC	Vietnamese
3	TRUONG KHANG PHUC	HST	43-44	2	17			72	TLJOC	Vietnamese
4	TRAN VAN NHAN	HST	40	1	16			70	PSV	Vietnamese
5	ĐỖ THỂ THANH	HSD	28-29	2	6			73	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU ĐỨC CHI	HSD	30	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	HSD	26	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	HSD	27	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HIỆU	AMD	24	1	8			61	VR	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	23	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	25	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HÙNG MẠNH	AMD	26	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG DŨNG	AMD	21-22	2	8			57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TỈNH	AMD	34-35	2	18			75	CODIEN	Vietnamese
15	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	30	1	9			58	CODIEN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	38	1	15	4	36	75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANH ANH	AMD	33	1	12	2	36	94	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HAI	AMD	36-37	2	11			73	CODIEN	Vietnamese
19	HOÀNG ĐỨC HAI	AMD	31-32	2	16			70	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM TUẤN THANH	AMD	27-28	2	9			79	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN MINH	AMD	19-20	2	15			70	PHATECO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	4	292	7	63	1	20	2		
2	HSD	4	316	5	31	0	0	4		
3	AMD	13	917	19	138	6	72	15		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.525</b>	<b>31</b>	<b>232</b>	<b>7</b>	<b>92</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.525</b>		<b>232</b>		<b>92</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
PHẠM THÁI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO:SAVR- BK6 - PPD	CREW: NAM - XHOÀN - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0233	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	AREFEV ANDREI	SAVR	85	1	4			105	AMHFP	Russian
2	DZORTOV SALAM	SAVR	86-87	2	16			100	AMHFP	Russian
3	ZAPOLSKIKH ANTON	SAVR	88-89	2	6			112	AMHFP	Russian
4	NIKITIN SERGEI	SAVR	90	1	7	1	22	87	AMHFP	Russian
5	KOLOMITSIN VLADIMIR	SAVR	91-92	2	16			79	AMHFP	Russian
6	GARIPOV ILIAS	SAVR	99	1	12			109	AMHFP	Russian
7	ĐẶNG ANH DUY	SAVR	200,84	2	12			84	PVD LOGGI	Vietnamese
8	TÔ HỮU THĂNG	BK6	21-22	2	12			82	DK9	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH KHÁNH	PPD	41	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH LIÊM	PPD	42	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	43	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN DINH LAM MINH	PPD	44	1	6	4	63	65	PSV	Vietnamese
13	TRƯƠNG NGỌC LINH	PPD	45	1	8			74	QUYẾT TH	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THÔNG	PPD	40	1	7			66	QUYẾT TH	Vietnamese
15	TRẦN TỬ THIÊN	PPD	300	1	8			97	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LƯƠNG	PPD	17	1	6			65	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TỰ	PPD	99	1	8			66	DUY LINH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	7	676	11	73	1	22	10		
2	BK6	1	82	2	12	0	0	0		
3	PPD	9	637	9	61	4	63	10		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.395</b>	<b>22</b>	<b>146</b>	<b>5</b>	<b>85</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.395</b>		<b>146</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ XUÂN HOÀN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NÂU-3	TO: TD3 - BK3 - AMD	CREW: HÙNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0231	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG TÀN LỢI	TD3	53	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	TD3	54	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ QUỐC VƯƠNG	TD3	51-52	2	14	2	39	76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ TRUNG KIẾN	TD3	57-58	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ NHẬT QUI	TD3	59	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOÀN	TD3	55-56	2	11			69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ ĐỨC TRƯỜNG	BK3	42	1	4			58	NAM TIỀN	Vietnamese
8	TRƯỜNG KIM TRƯỜNG	BK3	40-41	2	15			79	NAM TIỀN	Vietnamese
9	PHAN VĂN ỨT	BK3	44	1	5			64	NAM TIỀN	Vietnamese
10	VŨ THANH CHUNG	BK3	45	1	10			71	NAM TIỀN	Vietnamese
11	ĐOÀN KHÁNH DUY	BK3	43	1	7			69	NAM TIỀN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOÀN	AMD	52	1	8			72	PHATECO	Vietnamese
13	TRẦN QUANG NGUYỄN	AMD	56	1	10			67	PHATECO	Vietnamese
14	CAO VĂN VŨ	AMD	47	1	4			69	PHATECO	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG NAM	AMD	53-54	2	12			57	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	AMD	71	1	8			65	PHATECO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MŨU	AMD	44-45	2	11			79	PHATECO	Vietnamese
18	DUƠNG ĐÌNH HÒE	AMD	48	1	10			52	PHATECO	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN PHONG	AMD	50-51	2	16			101	PHATECO	Vietnamese
20	LÊ THANH PHÁT	AMD	55	1	14			65	PHATECO	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH ĐO	AMD	46	1	14			81	PHATECO	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SŨ	AMD	49	1	6			62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	6	428	9	84	2	39	2		
2	BK3	5	341	6	41	0	0	4		
3	AMD	11	770	14	113	0	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.539</b>	<b>29</b>	<b>238</b>	<b>2</b>	<b>39</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.539</b>		<b>238</b>		<b>39</b>			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: CTC1 - RP2 - P10	CREW: XHOÀN - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0234	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM HẢI LONG	CTC1	03	1	14			78	DVL	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH ĐẠT	CTC1	04-05	2	20			77	DVL	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HÙNG	CTC1	97	1	15	1	11	68	DVL	Vietnamese
4	BÀN PHÚC LONG	CTC1	01	1	16	3	37	76	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIỆP	CTC1	600,02	2	20			77	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN THÀNH TRUNG*	CTC1	95-96	2	14			74	DVL	Vietnamese
7	HOANG MỸ TRƯỜNG*	RP2	99	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RP2	94-95	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG*	RP2	92	1	9	1	15	62	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ LÊ SƠN*	RP2	90	1	8	1	17	81	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN MINH*	RP2	900,92-93	3	13			52	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT TÂN*	RP2	98	1	20			69	XAYLAP	Vietnamese
13	HÌNH NGỌC GIANG	RP2	97	1	9	1	16	63	XAYLAP	Vietnamese
14	IAKIMIDI R.N.	P10	23	1	11			110	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	P10	24	1	17			60	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG THÈ HIÊN	P10	20	1	6			68	NIPI	Vietnamese
17	LƯƠNG MINH KHUÊ	P10	21-22	2	20			62	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	6	450	9	99	4	48	1		
2	RP2	7	456	10	90	3	48	0		
3	P10	4	300	5	54	0	0	15		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.206</b>	<b>24</b>	<b>243</b>	<b>7</b>	<b>96</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.206</b>		<b>243</b>		<b>96</b>			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
 NGUYỄN MINH ĐỨC